

Số: **861** /QĐ-HV

Hà Nội, ngày **28** tháng **5** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 545/QĐ-HV ngày 10/4/2024 của Giám đốc Học viện về việc phê duyệt Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Hội đồng học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-HV ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học chính quy;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-HV ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Giám đốc Học viện về việc ban hành Đề án tuyển sinh năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 545/QĐ-HV ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Giám đốc Học viện về việc phê duyệt Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

1. Sửa đổi, bổ sung Mục 1.4 như sau:

“1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức Tổng chỉ tiêu là **5.450**, cụ thể như sau:

a) Chỉ tiêu tuyển sinh theo các Phương thức xét tuyển

TT	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Ghi chú
1.	Xét tuyển tài năng	10%	Tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT không giới hạn chỉ tiêu
2.	Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi ĐGNL,	15%	

TT	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Ghi chú
	ĐGTD		
3.	Xét tuyển kết hợp	25%	
4.	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	50%	
	CỘNG:	100%	

b) Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành và các Cơ sở đào tạo

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (Mã trường: BVH)

Địa chỉ: Km10 Đường Nguyễn Trãi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội

TT	Trình độ	Mã ngành/CT xét tuyển	Tên ngành, chương trình xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
1	Đại học	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	390	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01)
2	Đại học	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	80	
3	Đại học	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	290	
4	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	600	
5	Đại học	7480202	An toàn thông tin	280	
6	Đại học	7480101	Khoa học máy tính (<i>định hướng Khoa học dữ liệu</i>)	140	
7	Đại học	7480102	Kỹ thuật dữ liệu (<i>ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu</i>)	100	
8	Đại học	7480201 _UDU	Cử nhân Công nghệ thông tin (<i>định hướng ứng dụng</i>)	280	
9	Đại học	7480201 _VNH	Công nghệ thông tin Việt – Nhật	100	
10	Đại học	7329001	Công nghệ đa phương tiện	240	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01)
11	Đại học	7320104	Truyền thông đa phương tiện	140	
12	Đại học	7320101	Báo chí	80	
13	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	230	
14	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	150	
15	Đại học	7340115	Marketing	220	
16	Đại học	7340301	Kế toán	120	
17	Đại học	7340205	Công nghệ tài chính (<i>Fintech</i>)	130	
18	Đại học	7340115 _QHC	Quan hệ công chúng (ngành Marketing)	80	
19	Đại học	7329001 _GAM	Thiết kế và phát triển Game (<i>ngành Công nghệ đa phương tiện</i>)	160	

TT	Trình độ	Mã ngành/CT xét tuyển	Tên ngành, chương trình xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
Các Chương trình Chất lượng cao					
1	Đại học	7480201_CLC	Công nghệ thông tin	280	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01)
2	Đại học	7340115_CLC	Marketing	100	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01)
3	Đại học	7340301_CLC	Kế toán (chuẩn quốc tế ACCA)	100	
TỔNG CỘNG				4290	
Các Chương trình Liên kết quốc tế					
1	Đại học	7480201_LK	Công nghệ thông tin (Liên kết với Đại học La Trobe, Australia)	15	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01)
2	Đại học	7340205_LK	Công nghệ tài chính (Liên kết với Đại học Huddersfield, Vương quốc Anh)	15	
3	Đại học	7329001_LK	Công nghệ đa phương tiện (Liên kết với Đại học Canberra, Australia)	15	

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (Mã trường: BVS)

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

TT	Trình độ	Mã ngành/CT xét tuyển	Tên ngành, chương trình xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
1	Đại học	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	100	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01)
2	Đại học	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	85	
3	Đại học	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	90	
4	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	180	
5	Đại học	7480202	An toàn thông tin	80	
6	Đại học	7520208	Công nghệ Inernet vạn vật (IoT)	85	
7	Đại học	7329001	Công nghệ đa phương tiện	120	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01)
8	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	100	
9	Đại học	7340115	Marketing	90	
10	Đại học	7340301	Kế toán	90	
Các Chương trình Chất lượng cao					
1	Đại học	7480201 – CLC	Công nghệ thông tin	100	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01)

TT	Trình độ	Mã ngành/CT xét tuyển	Tên ngành, chương trình xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
2	Đại học	7340115 – CLC	Marketing	40	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01)
TỔNG CỘNG:				1160	

2. Sửa đổi, bổ sung Mục 1.11 như sau:

“1.11. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy:

- Học phí trình độ đại hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2024-2025: trung bình từ khoảng 27 triệu đồng đến 34 triệu đồng/năm tùy theo từng ngành học;
- Học phí chương trình chất lượng cao trình độ đại học năm học 2024-2025: trung bình từ khoảng 39 triệu đồng đến 55 triệu đồng/năm tùy theo từng ngành học;
- Học phí chương trình Cử nhân Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng, chương trình Công nghệ thông tin Việt – Nhật và chương trình Thiết kế và phát triển Game năm học 2024-2025: trung bình khoảng 35 triệu đồng đến 37 triệu đồng/năm;
- Học phí chương trình liên kết quốc tế năm học 2024-2025: trung bình từ khoảng 49 triệu đồng đến 55,5 triệu đồng/năm tùy theo từng chương trình;
- Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm học: Mức học phí điều chỉnh theo lộ trình phù hợp tương xứng với chất lượng đào tạo và đảm bảo tỷ lệ tăng không quá 15%/năm (theo Nghị định 81/NĐ-CP của Chính phủ).”

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc Phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị & Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý KHCN&HTQT; Trưởng Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2, Trưởng Bộ môn Marketing, Giám đốc Trung tâm Đào tạo quốc tế, Viện trưởng Viện Khoa học kỹ thuật Bưu điện, Viện trưởng Viện Công nghệ thông tin và truyền thông, Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Chủ tịch HĐHV (để b/c);
- Ban Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT, ĐT (03).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS.TS Trần Quang Anh